

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 257/2022/DS - PT

Ngày: 21/12/2022

*V/v: “Tranh chấp quyền sử dụng
đất và yêu cầu hủy giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tồn**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Tào**

Ông **Đặng Kim Nhân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hồng Phượng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Dung** – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 12 năm 2022, tại Điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và Điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án dân sự thụ lý số 144/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 377/2022/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông **Đỗ Xuân D**, bà **Nguyễn Thị Phương T**; Địa chỉ: Tổ dân phố 2A, thị trấn nông trường L, huyện L, tỉnh Quảng Bình; **Đều có mặt.**

- *Bị đơn:* ông **Võ Đình L**, bà **Bùi Thị L**; Địa chỉ: Tổ dân phố 2A, thị trấn nông trường L, huyện L, tỉnh Quảng Bình; Bà L có mặt, ông L vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của ông Võ Đình L: ông **Võ Đình T**. Địa chỉ: Tổ dân phố 2A, thị trấn nông trường L, huyện L, tỉnh Quảng Bình; **Có mặt.**

- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

+ UBND huyện L, tỉnh Quảng Bình; **Vắng mặt**

+ UBND thị trấn Nông trường L, huyện L, tỉnh Quảng Bình; **Vắng mặt,**

có đơn xin xét xử vắng mặt

+ Ông Trần Công V, bà Võ Thị Thanh V, địa chỉ: huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

* **Người kháng cáo:** Nguyên đơn ông Đỗ Xuân D, bà Nguyễn Thị Phương T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Đỗ Xuân D và bà Nguyễn Thị Phương T khai:

Vào năm 2014, ông Trần Công V, bà Võ Thị Thanh V có chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông, bà diện tích 169m² thuộc thửa đất số 11 tờ bản đồ số 20 tại Tổ dân phố 2C (nay là Tổ dân phố 2A), thị trấn Nông trường L, huyện L, tỉnh Quảng Bình theo hợp đồng chuyển nhượng QSD đất được UBND thị trấn L (nay là thị trấn Nông trường L), huyện L, tỉnh Quảng Bình chứng thực vào ngày 05/5/2014. Tại thời điểm chuyển nhượng ông V, bà V đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 637415, sổ vào sổ cấp GCN 00832/QSDĐ. Khi giao đất các bên có xác định ranh giới rõ ràng, có mốc ranh giới trước và sau. Theo hợp đồng chuyển nhượng UBND huyện L đã cấp Giấy chứng nhận QSD đất số BT 373450, sổ vào sổ cấp GCN CH 01183/QSDĐ/4458/HĐCN ngày 23/6/2014, đối với thửa số 11 tờ bản đồ số 20 mang tên Đỗ Xuân D và Nguyễn Thị Phương T.

Liên kề bên cạnh là thửa số 12 tờ bản đồ số 20 của gia đình ông Võ Đình L và bà Bùi Thị L sử dụng và đã xây nhà trước khi ông, bà nhận chuyển nhượng của ông V và bà V. Cùng thời điểm năm 2014, ông bà có ký bản thỏa thuận sử dụng đất với gia đình ông L, bà L nhưng không nhớ nội dung.

Sau khi nhận chuyển nhượng, trong thời gian sử dụng đất giữa gia đình ông D, bà T và gia đình ông L, bà L xảy ra nhiều mâu thuẫn, tranh chấp.

Năm 2016, khi gia đình bà T, ông D xây hàng rào thì gia đình ông L, bà L ngăn cản, phát hiện nhà của ông L, bà L có xây dựng một phần qua đất của mình, nên ông bà đã làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện L, được Tòa án hoà giải, để giữ gìn tình làng nghĩa xóm, vợ chồng ông bà viết bản thỏa thuận cho gia đình bà L mượn đất. Tuy nhiên, bà L, ông L vi phạm nội dung thỏa thuận, xây sửa công trình nhà ở mới vào năm 2020, hai bên lại xảy ra tranh chấp. Ông, bà thấy việc thỏa thuận cho mượn sử dụng đất để giữ hoà khí giữa hai gia đình nhưng luôn xảy ra bất đồng, mâu thuẫn. Để sự việc tranh chấp dứt điểm, ổn định sinh sống, nay ông bà khởi kiện yêu cầu bà L, ông L phải trả diện tích đất đã cho mượn là 5,75m² và giải quyết các tài sản có trên đất đang tranh chấp. Yêu cầu Tòa án giải quyết bảo vệ quyền và lợi ích của ông bà theo ranh giới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông bà.

Bị đơn ông Võ Đình L, bà Bùi Thị L, cũng như người đại diện theo ủy quyền của ông L là anh Võ Đình T trình bày:

Gia đình ông, bà sử dụng thửa đất số 12, tờ bản đồ 20 tại tổ dân phố 2C, (nay là Tổ dân phố 2A) thị trấn Nông trường L đã từ lâu, đã làm nhà từ năm 1996. Ngày 31/12/2007, UBND huyện L đã cấp diện tích 156m² thuộc thửa số 12 tờ bản đồ số 20 theo giấy chứng nhận QSD đất số AH 869032, sổ vào sổ cấp GCN: 00417/QSDĐ cho gia đình ông bà; ông bà sử dụng đúng diện tích theo Giấy CNQSD đất, kích thước cạnh phía trước thửa đất là 6,59m, cạnh phía sau có kích thước 5m.

Năm 2014, Việc ông D, bà T nhận chuyển nhượng đất từ bà V, ông V như thế nào ông bà không biết 02 bên có lập văn bản thỏa thuận vào năm 2014 và năm 2016 để giữ nguyên hiện trạng sử dụng.

Gia đình ông bà không lấn chiếm đất như phía nguyên đơn trình bày, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D, bà T. Yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông, bà theo đúng Giấy chứng nhận QSD đất được cấp năm 2007.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- *UBND huyện L có ý kiến tại công văn số 2589/UBND-TNMT ngày 07/10/2021 như sau:*

Ngày 31/12/2007, UBND huyện cấp giấy chứng nhận QSD đất số AH 869032 cho bà Bùi Thị L và ông Võ Đình L đối với thửa 12 tờ bản đồ số 20, tại thôn 2C, thị trấn Nông trường L, huyện L;

Ngày 23/6/2014, UBND huyện L cấp giấy chứng nhận QSD đất số BT 373450 cho ông Đỗ Xuân D và bà Nguyễn Thị Phương T đối với thửa số 11 tờ bản đồ số 20, tại thôn 2C, thị trấn Nông trường L;

Trong quá trình giải quyết các thủ tục, hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho các trường hợp tại thời điểm nêu trên thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về trình tự thủ tục cấp giấy. Đối với những nội dung khác liên quan đến vụ án đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh căn cứ hồ sơ, tài liệu và các chứng cứ thu thập để xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

UBND thị trấn Nông trường L, huyện L trình bày tại văn bản số 352/CV-UBND ngày 27/10/2021 và đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Ngọc Lâm trình bày như sau:

Đối với nguồn gốc thửa đất số 11 tờ bản đồ số 20 là do ông Trần Công V, bà Võ Thị Thanh V mua lại. Ngày 15/11/2011 UBND huyện L cấp giấy chứng nhận QSD đất cho vợ chồng ông V, bà V với diện tích 169m². Vào ngày 05/5/2014 vợ chồng ông Đỗ Xuân D, bà Nguyễn Thị Phương T đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ vợ chồng ông V, bà V và được cấp giấy CNQSD đất tại thửa đất này với diện tích như trên.

Đối với thửa đất số 12, tờ bản đồ số 20 có nguồn gốc do gia đình ông Võ Đình L, bà Bùi Thị L sử dụng ổn định từ năm 1996 đến nay.

Quá trình cấp Giấy chứng nhận QSD đất đối với hai thửa đất trên là đúng trình tự của Pháp luật. Đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của Pháp luật để giải quyết dứt điểm vụ án, ổn định tình hình địa phương và xây dựng đoàn kết trong nhân dân.

- Ông Trần Công V, bà Võ Thị Thanh V trình bày:

Thửa đất số 11 tờ bản đồ số 20 gia đình ông, bà chuyển nhượng cho ông D, bà T vào năm 2014 có nguồn gốc từ đất Nông trường L cấp và gia đình ông bà mua lại. Tại thời điểm chuyển nhượng cho ông D, bà T thì các hộ gia đình liền kề đã xây dựng nhà ở. Việc chuyển nhượng được thực hiện vào năm 2014 cho gia đình chị T và anh D (có biên bản thỏa thuận ngày 05/6/2014), khi chuyển nhượng đã thể hiện mốc giới rõ ràng; các bên có thỏa thuận giữ nguyên hiện trạng cho gia đình ông L, bà L ở từ trước. Trong quá trình sử dụng các bên có xảy ra tranh chấp. Nay ý kiến của ông bà đối với vụ việc tranh chấp này là: hai gia đình nên thỏa thuận và sử dụng phần diện tích theo Giấy thỏa thuận ngày 05/6/2014 để bảo đảm hợp tình, hợp lý.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 273; khoản 1 Điều 147; Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 48, 49 Luật đất đai 2003;

Áp dụng các Điều 99, 100, 105, 170, 202, 203 của Luật đất đai năm 2013;

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Xuân D, bà Nguyễn Thị Phương T:

Buộc ông Võ Đình L, bà Bùi Thị L trả lại diện tích 3m² đất đã xây dựng nhà lán chiếm trên phần đất thuộc thửa số 11 tờ bản đồ số 20 thị trấn Nông trường L, huyện L tỉnh Quảng Bình cho ông Đỗ Xuân D, bà Nguyễn Thị Phương T, phần đất có kích thước hình tam giác, vị trí như sau:

Cạnh phía Đông nằm trong thửa 11 dài 9,42m,

Cạnh phía tây giáp thửa 12 dài 9,48m

Cạnh phía Nam nằm trong thửa 11 dài 0,63m.

Do ông L, bà L đã xây dựng công trình kiên cố nhà ở trên phần đất này, không thể tháo dỡ nên buộc ông L, bà L phải trả giá trị đất bằng tiền là 1.365.000 đồng cho ông Đỗ Xuân D, bà Nguyễn Thị Phương T.

2. Buộc ông Đỗ Xuân D, bà Nguyễn Thị Phương T trả lại phần đất có diện tích 1,7m² đã xây dựng quán trên phần đất của thửa số 12 tờ bản đồ 20 thị trấn Nông trường L, huyện L tỉnh Quảng Bình cho ông Võ Đình L và bà Bùi Thị L.

Phần đất có kích thước, vị trí như sau:

Cạnh phía Bắc giáp đường Giao thông dài 0,47m

Cạnh phía Đông giáp thửa 11 dài 7,14m;

Cạnh phía Tây nằm trong thửa 12 dài 7,13m

Do ông D, bà T đã xây dựng quán trên phần đất này, không thể tháo dỡ ở phần đất tranh chấp nên buộc ông D, bà T phải trả giá trị đất bằng tiền là 773.500 đồng cho ông Võ Đình L, bà Bùi Thị L.

3. Buộc ông Đỗ Xuân D, bà Nguyễn Thị Phương T có trách nhiệm trả lại QSD đất diện tích 8,2m² đất đã xây dựng sử dụng trên phần đất của thửa số 12 tờ bản đồ 20 thị trấn Nông trường L, huyện L tỉnh Quảng Bình cho ông Võ Đình L, bà Bùi Thị L, có vị trí như sau:

Phía Bắc giáp nhà của ông L, bà L tính từ điểm cách mí nhà nằm trên phần đất của ông D, bà T kéo sang phía Tây 0,63m; Phía đông giáp thửa 11 dài 14,23m, phía Tây là hàng rào nằm trong thửa 12 dài 14,17m; phía Nam giáp thửa 22 dài 0,3m.

Do trên đất có hàng rào của bà T, ông D nên buộc ông D, bà T phải trả giá trị đất bằng tiền là 3.731.000 đồng cho ông Võ Đình L, bà Bùi Thị L.

(có sơ đồ kèm theo bản án này).

4. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 637415, số vào sổ cấp GCN 00832 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 15/11/2011 mang tên Võ Thị Thanh V và Trần Công V.

Hủy Giấy chứng nhận đất số BT 373450, số vào sổ cấp GCN: CH 01183 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 23/6/2014 mang tên Đỗ Xuân D và Nguyễn Thị Phương T.

Các đương sự tự liên hệ với cơ quan chức năng có thẩm quyền để đăng ký lại quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định, định giá, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 29/7/2022, ông Đỗ Xuân D, bà Nguyễn Thị Phương T có đơn kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm và đề nghị bị đơn trả lại đất lần chiếm

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Đỗ Xuân D, bà Nguyễn Thị Phương T giữ nguyên đơn kháng cáo

- Đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của

người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Xuân D, bà Nguyễn Thị Phương T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Đỗ Xuân D, bà Nguyễn Thị Phương T khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với bị đơn ông Võ Đình L, bà Bùi Thị L, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình thụ lý là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 9, Điều 26, Điều 34, Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Xuân D, bà Nguyễn Thị Phương T thì thấy:

Căn cứ kết quả trưng cầu giám định đo đạc của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình thể hiện: Ông Võ Đình L, bà Bùi Thị L đang quản lý, lấn chiếm phần diện tích đất 3m² (hiện trạng đã xây dựng) trên diện tích thuộc thửa số 11 tờ bản đồ số 20 của ông Đỗ Xuân D, bà Nguyễn Thị Phương T. Ông Đỗ Xuân D, bà Nguyễn Thị Phương T đang quản lý lấn chiếm phần đất có diện tích 1,7m² (đã xây dựng quán trên đất) và phần diện tích 8,2m² (đất đã xây dựng hàng rào) trên diện tích thửa số 12 tờ bản đồ 20 của ông Võ Đình L, bà Bùi Thị L. Kết quả trưng cầu giám định đo đạc của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, các sơ đồ theo giấy chứng nhận đã được cấp. Do đó Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tuyên buộc các đương sự hoàn trả lại phần đất lấn chiếm cho nhau là phù hợp với quy định tại Điều 99, 100, 105, 170, 202, 203 Luật đất đai. Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo không có tài liệu chứng cứ gì mới, nên HĐXX không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Xuân D, bà Nguyễn Thị Phương T.

Ngoài ra, trong vụ án này Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn mà tuyên xử buộc nguyên đơn ông Đỗ Xuân D, bà Nguyễn Thị Phương T trả lại phần đất lấn chiếm cho bị đơn là có sai sót. Đây là vụ án tranh chấp về đất đai nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại căn cứ vào khoản 5 Điều 26 để xác định thẩm quyền là không đúng. Trường hợp này thẩm quyền được quy định tại khoản 9, Điều 26 BLTTDS. Tuy nhiên, do vụ án tranh chấp kéo dài, gây mất tình làng nghĩa xóm cần phải giải quyết dứt điểm các mâu thuẫn về tranh chấp đất đai giữa các đương sự trong vụ án, nên những thiếu sót về tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm không ảnh hưởng đến bản chất của vụ án. HĐXX phúc thẩm xét

thấy cần thiết phải giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tại phiên tòa.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đỗ Xuân D, bà Nguyễn Thị Phương T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Xuân D, bà Nguyễn Thị Phương T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 34, Điều 273; khoản 1 Điều 147; Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 99, 100, 105, 170, 202, 203 của Luật đất đai năm 2013;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Xuân D, bà Nguyễn Thị Phương T:

1.1. Buộc ông Võ Đình L, bà Bùi Thị L trả lại diện tích 3m² thuộc thửa số 11 tờ bản đồ số 20 tại thị trấn Nông trường L, huyện L tỉnh Quảng Bình cho ông Đỗ Xuân D, bà Nguyễn Thị Phương T có giá trị đất quy đổi thành nghĩa vụ trả tiền là 1.365.000 đồng.

1. 2. Buộc ông Đỗ Xuân D, bà Nguyễn Thị Phương T trả lại phần đất có diện tích 1,7m² và phần diện tích 8,2m² thuộc thửa số 12 tờ bản đồ 20 tại thị trấn Nông trường L, huyện L tỉnh Quảng Bình cho ông Võ Đình L và bà Bùi Thị L có giá trị đất quy đổi thành nghĩa vụ trả tiền tương ứng là 773.500 đồng và 3.731.000 đồng.

1.3. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 637415, sổ vào sổ cấp GCN 00832 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 15/11/2011 mang tên Võ Thị Thanh V và Trần Công V. Hủy Giấy chứng nhận đất số BT 373450, sổ vào sổ cấp GCN: CH01183 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 23/6/2014 mang tên Đỗ Xuân D và Nguyễn Thị Phương T.

Các đương sự được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đỗ Xuân D, bà Nguyễn Thị Phương T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 31AA/2021/0005046 ngày 11/8/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Tồn